

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-06-2023

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Châu Kim Ba.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Nèang Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nèang Q, sinh năm 1999; nơi cư trú: tổ 7, ấp X, xã A, thị xã B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Chau Sa R, sinh năm 1997; nơi cư trú: tổ 1, ấp T, xã L, thị xã B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nèang Q trình bày:*

Về hôn nhân: chị Nèang Q và anh Chau Sa R tiến đến hôn nhân trong năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh An Giang. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do anh R thường xuyên uống rượu rồi kiếm chuyện, chửi mắng, đánh chị và đập đồ trong nhà, cha mẹ hai bên nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh R không thay đổi; đến tháng 11 năm 2022 thì mâu thuẫn giữa chị và anh R càng trầm trọng, không khắc phục được nên không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn,

không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chau Sa R.

Về con chung: chị Q và anh R không có con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: chị Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản hòa giải ngày 21/12/2022, bị đơn anh Chau Sa R trình bày:

Anh R thống nhất ý về thời gian tiến đến hôn nhân, nơi đăng ký kết hôn. Anh R cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn, do mỗi lần vợ chồng cự cãi thì chị Q đòi ly hôn, đòi mang xe đi cầm lấy tiền đưa cho anh về nhà, trong lúc tức giận anh chỉ nắm tóc và dùng võ chai nước ngọt bằng nhựa đánh vào đầu chị Q một lần, sau đó anh và gia đình đã năn nỉ chị Q, vợ chồng chung sống lại; đến ngày 06/11/2022, tại tỉnh Bình Dương, sau khi anh nhậu thì giữa anh và chị Q xảy ra cự cãi, anh về nhà cha mẹ ruột sống, chị Q ở lại tỉnh Bình Dương làm công nhân. Hiện tại, anh R vẫn còn tình cảm với chị Q nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh R khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 01/06/2023, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất thì chị Q vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); anh R vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Q vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt); bị đơn anh R vắng mặt lần 2, không có lý do và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa chị Q và anh R là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và Gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được, chị Q và anh R sống ly thân nhau. Nhận thấy, quá trình chung sống, anh R không quan tâm, chăm lo, vun đắp cuộc sống gia đình thể hiện qua việc anh R thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù đã được cha mẹ nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh R không thay đổi. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề

ngợi Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Q xin được ly hôn với anh R.

Về con chung: chị Q và anh R không có con chung; về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của chị Q (có đơn xin xét xử vắng mặt), anh R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh R xác lập năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của các đương sự thì tình trạng hôn nhân có phát sinh mâu thuẫn, hiện đang sống ly thân với nhau từ tháng 11/2022 đến ngày hôm nay; chị Q kiên quyết xin ly hôn, anh R cho rằng còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và có nghĩa vụ sống chung với nhau, thế nhưng anh R và chị Q đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11/2022 đến nay, do mâu thuẫn vợ chồng. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị Q và anh R là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc

chị Q khởi kiện xin ly hôn với anh R là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: giữa chị Q với anh R không có con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và cùng khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Q là người xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng);

- Bị đơn anh R không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nèang Q.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nèang Q được ly hôn với anh Chau Sa R.

Giấy chứng nhận kết hôn **số 45 ngày ngày 02/06/2009** của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: chị Nèang Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: **0007559, ngày 11/02/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên (nay là thị xã Tịnh Biên).

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi cục Thi hành án thị xã Tịnh Biên;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú